TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/KDTM-ST
Ngày 23/4/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Minh Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2018/TLST-KDTM ngày 30/01/2018, về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa";* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-KDTM ngày 27/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- KDTM ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần thương mại và tư vấn TC

Địa chỉ: x, phường y, quận z, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Hoàng Thanh S, cư trú tại: x, phường y, quận z, TP. Hà Nội, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chức vụ: Chủ tịch HĐQT) (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, cư trú: x1, KDC y1, Phường z1, TP. BH, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2018). (Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp x2, huyện y2, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông DR, trú tại 60, Tổ 3, khu phố Tân Phú, Phan Bội Châu, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần thương mại và tư vấn TC (Sau đây gọi tắt là Công ty TC) và Công ty cổ phần thép Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q) cùng ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa số QS-TC-NO/140806 ngày 26/8/2014;số: QC-TC-HO/141113CH ngày 03/12/2014; số: QC-TC-HO/141121CH ngày 25/12/2014. Theo nội dung các hợp đồng đã ký kết, Công ty TC có nghĩa vụ bán các loại Bulon, đai ốc, vòng đệm,… để phục vụ thi công các công trình xây dựng.

Theo hợp đồng đã ký, Công ty TC có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa sau 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và sau khi Công ty Q nhận hàng hóa cùng hóa đơn chứng từ thì trong thời hạn 30 ngày, Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho bên Công ty TC.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TC luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, bao gồm việc giao hàng đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian. Tuy nhiên, Công ty Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ theo Hợp đồng. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ số 21/ĐCCN/2016 ngày 03/8/2016, Công ty Q xác nhận còn nợ Công ty TC số tiền là: 417.898.482 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên thì Công ty Q nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày xuất hóa đơn là 30 ngày thì phải chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Hiện số tiền lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 31/7/2016 là: 85.997.141 đồng (tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi mốt đồng). Tổng số tiền Công ty cổ phần thép Q còn nợ Công ty Tân Cơ tính đến ngày 31/7/2016 là: 503.895.623 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty TC đưa ra bảng tính lãi với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2018, như sau:

STT	Hóa đơn	Tiền gốc (VN đồng)	Ngày đến hạn	Số tiền đã thanh toán (VN đồng)	Ngày thanh toán	Số ngày quá hạn thanh toán	Số tiền quá hạn thanh toán (VN đồng)	% lãi suất phạt chậm trả theo hợp đồng	Tiền lãi (VN đồng)	Số hợp đồng

1	0545 19/09/14	267.814.829	19/10/14			1282	267,814,829	0.03%	111,585,049	QS-TC-NO/140806CH
				10,850,000	08/07/15	262	10,850,000	0.03%	923,878	QS-TC-NO/140806CH
				10,850,000	21/07/15	275	10,850,000	0.03%	969,719	QS-TC-NO/140806CH
2	2507 20/12/14	99.525.329	19/01/15			1190	99,525,329	0.03%	35,530,542	QS-TC-HO141113CH
3	2512 25/12/14	50.558.324	24/01/15			1185	50,558,324	0.03%	17,973,484	QS-TC-HO141121CH
Tổng cộng		**417.898.482**		**21,700,000**			**439,598,482**		**166,982,671**	

Tại phiên tòa, Công ty TC đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải thanh toán số tiền nợ gốc 417.898.482 đồng (bốn trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 23/4/2018 với số tiền là 166.982.671 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty Q không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần thép Q, trụ sở: Khu công nghiệp x2, huyện y2, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền nợ lương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết

thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ phần thép Q có trụ sở tại Khu công nghiệp x2, huyện y2, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông DR, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Theo Công văn số 973/ĐLTT-KDĐN ngày 03-7-2018 của Điện lực Tân Thành trả lời do Công ty Q nợ tiền điện nên đã bị ngừng cung cấp điện vào ngày 11-11-2016, Công văn số 01/2018/CV-HL ngày 03-7-2018 của Công ty CP dịch vụ và bảo vệ - vệ sĩ Huỳnh Long, là công ty bảo vệ cho Công ty Q, xác nhận Công ty Q ngưng hoạt động từ ngày 14-11-2016, Công văn số 411/BQL-ĐT ngày 03-4-2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO và Biên bản xác minh tại Đồn công an khu công nghiệp Phú Mỹ thì Công ty Q tự ngưng hoạt động và không thông báo gì đến cơ quan chức năng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty Q là đúng quy định của pháp luật.

[3]*Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án*:

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn T được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, không bị rút hay thay đổi nên được tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

[4]*Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn*:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty TC và Công ty Q đã ký các hợp đồng kinh tế, về cung cấp sản phẩm là: Bulon, đai ốc, vòng đệm,… để phục vụ thi công các công trình xây dựng. Do đến nay, Công ty Q không thanh toán số tiền mua hàng nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa :

Khi giao kết hợp đồng, Công ty TC và Công ty Q được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Các Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa là thép và mặt hàng cơ khí thép không

nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

Do đó các hợp đồng giữa Công ty TC và Công ty Q được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là các hợp đồng kinh tế, các biên bản giao nhận hàng hóa và các hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TC và Công ty Q là đúng sự thật và đúng như phía nguyên đơn đã trình bày. Đồng thời theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TC đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa được quy định tại Điều 34, 35, 36, 37 Luật thương mại nên phía Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại. Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ số 21/ĐCCN/2016 ngày 03/8/2016, Công ty Q xác nhận còn nợ Công ty TC số tiền nợ gốc là: 417.898.482 đồng (bốn trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng). Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của phía nguyên đơn thì thấy:

Theo Điều 306 Luật thương mại quy định *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*

Theo Phương thức thanh toán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng quy định về Phương thức thanh toán như sau: "*Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nếu quá hạn thanh toán bên mua sẽ trả cho bên Bán lãi suất 0,03% cho giá trị hợp đồng trong mỗi ngày quá hạn*".

Tòa án đã tiến hành xác minh mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử thì thấy Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh huyện Tân Thành, quy định mức lãi suất là 11,5%; Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – chi nhánh huyện Tân Thành, quy định mức lãi suất là 11%; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân Thành, quy định mức lãi suất là 10,10 %. Do đó việc Công ty TC yêu cầu mức lãi suất 0,03%/1 ngày tương đương 10,8%/1 năm, của Công ty TC là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty Q phải thanh toán cho Công ty TC, tổng số tiền: 584.881.153 đồng (năm trăm

tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn một trăm năm mươi ba đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 417.898.482 đồng (bốn trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), lãi chậm thanh toán tính đến ngày 23/4/2018 với số tiền là 166.982.671 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty Q không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TC.

Công ty Q phải nộp: 20.000.000 đồng + 4% x 184.881.153 đồng = 27.395.246 (hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 , Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 292, Điều 297 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại và tư vấn TC đối với Công ty cổ phần thép Q về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

1. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Công ty cổ phần thương mại và tư vấn TC số tiền: 584.881.153 đồng (năm trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty cổ phần thép Q phải nộp 27.395.246 (hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần thương mại và tư vấn TC số tiền là 13.207.000 (mười ba triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000618 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*"

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Bảo Ngọc